TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 4 - 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Kim Thương;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Gái;
Ông Trần Văn Tuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Huệ- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trà Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị T**
Địa chỉ: Khu phố 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng T; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Dương Thanh T**
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu phố 5, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị Phan Thị T và anh Dương Thanh T đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nH dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng T. Năm 2020, anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị T không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Đài Loan. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nH không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T và anh T chung sống có 05 con chung, cháu Dương Thành Đ , sinh ngày 23/02/2005; cháu Dương Thái H , sinh ngày 10/12/2007; cháu Dương Quỳnh A, sinh ngày 27/11/2009; cháu Dương Nghĩa NH, sinh ngày 17/5/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 27/12/2017.

Cháu Dương Thành Đ đã thành niên nên chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu H , Quỳnh A , NH và H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/01/2023, ông Dương Hải (Bố của anh Dương Thanh T) có ý kiến:

Anh T với chị T kết hôn năm 2004, hiện hai vợ chồng có 05 con chung, các cháu đang sống với chị T, anh T đi xuất khẩu lao động tại nước Đài Loan năm 2020, gia đình không biết địa chỉ của anh T tại Đài Loan, liên lạc thường xuyên với nhau qua mạng xã hội. Khi có thông tin chị T ly hôn, gia đình có thông báo cho anh T biết. Còn yêu cầu ly hôn của chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, tránh tình trạng vợ chồng sống với nhau không có tình cảm. Ông Hải đồng ý nhận văn bản tố tụng và báo cho anh T biết nhưng không ký vào Biên bản giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nH dân tỉnh Quảng T:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nH và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nH: Cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Dương Thanh T.

+ Về con chung: Giao cháu Dương Thái H , sinh ngày 10/12/2007; cháu Dương Quỳnh A , sinh ngày 27/11/2009; cháu Dương Nghĩa NH, sinh ngày 17/5/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 27/12/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị T yêu cầu ly hôn với anh Dương Thanh T khi anh T đang lao động xuất khẩu tại nước Đài Loan. Trước và sau khi thụ lý vụ án,

chị T và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại nước Đài Loan, nhưng phía gia đình của anh T vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội facebook, Zalo, gia đình anh T nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo nội dung cho anh T nhưng anh T không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nH dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nH: Hôn nH giữa chị Phan Thị T và anh Dương Thanh T trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống đến năm 2020, anh T lao động xuất khẩu tại nước Đài Loan, năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cắt đứt liên lạc với nhau. Thấy rằng, hôn nH là sự tự nguyện, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau để cùng nuôi dạy con cái, nhưng giữa chị T với anh T đã cắt đứt mọi liên lạc, như vậy mục đích của hôn nH không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nH và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung: Cháu Dương Thành Đ đã thành niên, còn cháu Huy, Quỳnh Anh, NH và cháu H hiện đang ở với chị T và có nguyện vọng ở với mẹ, anh T không biết khi nào trở về, do đó nguyện vọng nuôi con của chị T và nguyện vọng của các cháu hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nH gia đình nên được chấp nhận. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nH và gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nH: Chị Phan Thị T được ly hôn anh Dương Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thái H , sinh ngày 10/12/2007; cháu Dương Quỳnh A , sinh ngày 27/11/2009; cháu Dương Nghĩa NH, sinh ngày 17/5/2015 và cháu Dương Gia H, sinh ngày 27/12/2017 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Dương Thanh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Dương Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0000199 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng T. Chị Phan Thị T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND TT Gio Linh;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nH dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QT;
- Cục THADS tỉnh QT;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND TT G, G;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Kim Thương